

Thứ hai, ngày 7 tháng 8 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục duy trì sắc xanh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/8/2023		●	
Tuần 7/8-11/8/2023		●	
Tháng 08/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index hôm nay bật tăng hơn 15 điểm, đóng cửa tại mốc 1,241.42. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó nhóm ngành Thực phẩm và đồ uống, Ngân hàng dẫn đầu đã tăng hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể theo quán tính tăng, tiếp tục tiến lên ngưỡng 1,250.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/8/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

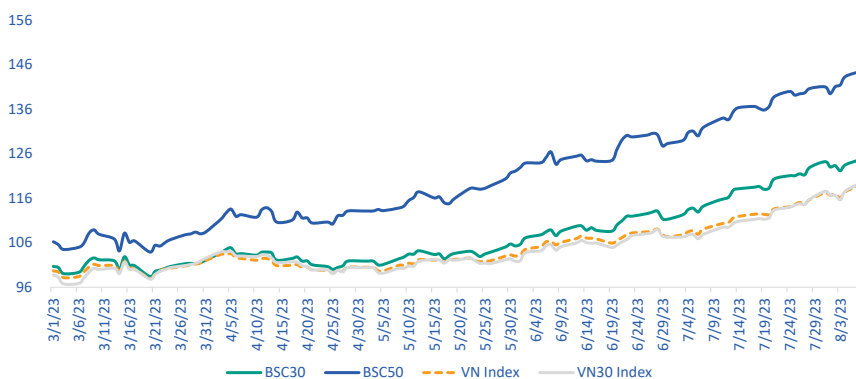
Điểm nhấn:

- VN-Index +15.44 điểm, đóng cửa 1241.42 điểm. HNX-Index +3.27 điểm, đóng cửa 245.68 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: CTG (+1.98), VIC (+1.67), VNM (+1.02), VCB (+0.85), GVR (+0.82).
- Kéo chỉ số giảm: ACB (-0.65), BCM (-0.13), VHM (-0.11), NLG (-0.08), VCG (-0.07).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 21,984 tỷ đồng, giảm -0.42% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26,533 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.44 điểm. Thị trường có 342 mã tăng, 66 mã tham chiếu, 129 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -393.57 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm NLG (-90.07 tỷ), DXG (-74.65 tỷ), NVL (-41.93 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -20.77 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 +0.98%. Các mã diễn biến tích cực: STB (+3.80%), GVR (+3.65%), VRE (+3.14%)
- BSC50 +0.81%. Các mã diễn biến tích cực: LPB (+6.96%), HAH (+5.35%), CTG (+5.16%)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX 1241.42

Giá trị: 21983.51 tỷ 15.44 (1.25%)

Khối ngoại (ròng): -393.57 tỷ

HNX-INDEX 245.68

Giá trị: 1951.59 tỷ 3.27 (1.35%)

Khối ngoại (ròng): -20.77 tỷ

UPCOM-INDEX 92.57

Giá trị: 1143.56 tỷ 0.87 (0.95%)

Khối ngoại (ròng): -9.4 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	81.8	2.92%
Giá vàng	1,934	0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,815	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,033	-0.59%
Tỷ giá JPY/VND	16,661	-0.42%
LS liên NH 1 tháng	1.7%	0.14%
LS TPCP 5 năm	2.0%	0.06%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	81.86	NLG	-90.07
VIC	47.98	DXG	-74.65
MSN	35.76	NVL	-41.93
STB	33.00	KDH	-32.23
CTG	2.72	VPB	-29.30

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Danh mục BSC30	Trang 5
Danh mục BSC50	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Phân tích kỹ thuật

GVR_Tin hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng điểm.
- Chỉ báo xu hướng MACD: có xu hướng chuẩn bị cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, chuẩn bị chạm vùng quá mua.

Nhận định: GVR vừa trải qua một phiên tăng điểm mạnh hôm nay với thanh khoản lớn sau giai đoạn tích lũy. Chỉ báo MACD có xu hướng chuẩn bị cắt lên đường tín hiệu, ủng hộ đà tăng của của cổ phiếu. Nhà đầu tư có thể vào lệnh tại giá 22.7, chốt lời khi cổ phiếu chạm ngưỡng kháng cự cũ 26.04 và cắt lỗ khi cổ phiếu mất hỗ trợ 21.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

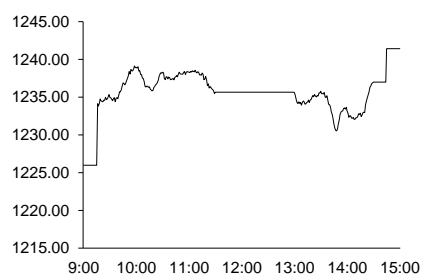
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	9.51%
Truyền thông	3.02%
Thực phẩm và đồ uống	1.76%
Ngân hàng	1.71%
Hóa chất	1.60%
Dịch vụ tài chính	1.54%
Công nghệ Thông tin	1.48%
Bán lẻ	1.44%
Bảo hiểm	1.31%
Bất động sản	0.90%
Xây dựng và Vật liệu	0.68%
Tài nguyên Cơ bản	0.63%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.53%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.51%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.48%
Du lịch và Giải trí	0.37%
Dầu khí	0.33%
Y tế	-0.02%
Ô tô và phụ tùng	-0.27%

Hình 1

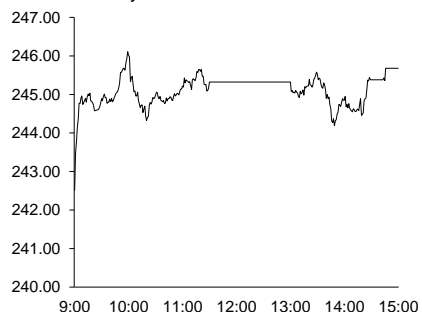
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	32.60	5.16	1.98	13.00MLN
VIC	63.90	2.73	1.67	8.09MLN
VNM	74.90	2.60	1.02	4.32MLN
VCB	90.80	0.78	0.85	1.11MLN
GVR	22.70	3.65	0.82	4.32MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
ACB	23.75	-2.66	-1	28.09MLN
BCM	76.70	-0.65	0	255200
VHM	62.90	-0.16	0	3.40MLN
NLG	39.20	-2.00	0	2.98MLN
VCG	26.50	-1.85	0	13.53MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MHC	8.87	7.00	0.01	182500.00
SSC	32.95	6.98	0.01	1100
HPX	5.37	6.97	0.03	21.78MLN
LPB	18.45	6.96	0.53	20.34MLN
HCD	9.70	6.95	0.01	1.83MLN

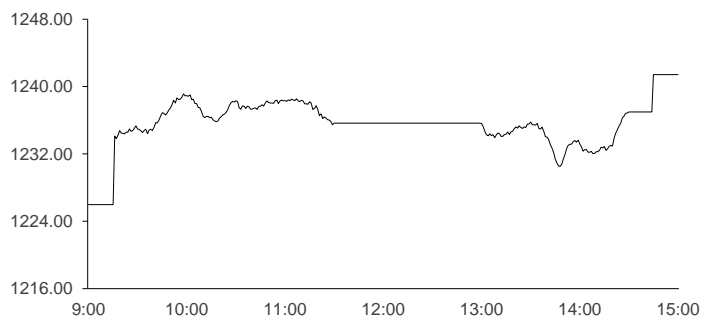
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.75	-2.66	-0.65	28.09MLN
BCM	76.70	-0.65	-0.13	255200
VHM	62.90	-0.16	-0.11	3.40MLN
NLG	39.20	-2.00	-0.08	2.98MLN
VCG	26.50	-1.85	-0.07	13.53MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

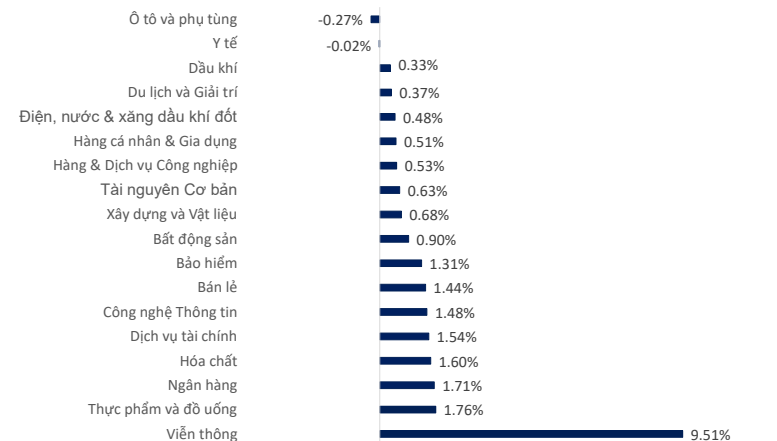
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	15.90	6.71	0.92	1.44MLN
SHS	16.10	3.87	0.76	25.39MLN
THD	40.80	1.24	0.29	84200
BAB	14.50	1.40	0.24	36200.00
IDC	48.30	1.05	0.19	2.96MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	39.90	-1.72	-0.17	14000
HUT	24.60	-0.81	-0.11	3.64MLN
NTH	53.00	-7.99	-0.05	100
SLS	208.60	-2.34	-0.04	19900
DTD	31.10	-2.81	-0.04	1.47MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

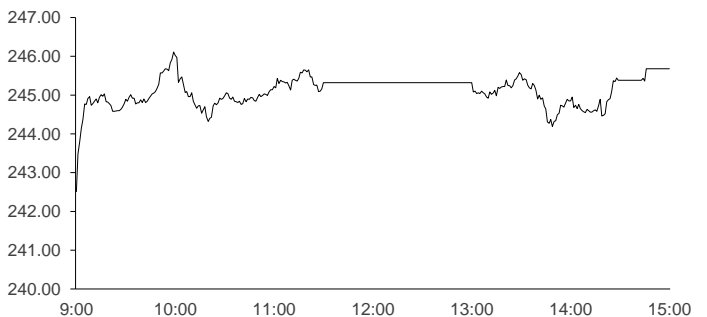
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMS	11.00	10.0	0.02	102100
MAS	32.00	10.0	0.01	300
BTW	38.70	9.9	0.01	2600
NHC	30.60	9.7	0.01	100
SPI	3.40	9.7	0.01	276900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAX	58.10	-9.92	-0.01	300
MED	22.50	-9.64	-0.02	1200
CJC	18.00	-9.55	0.00	200
THS	11.80	-9.23	0.00	600
BST	17.20	-8.99	0.00	9000

Hình 2

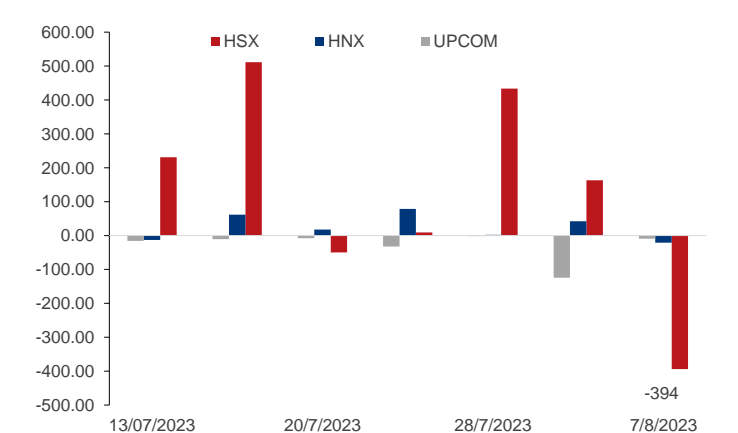
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

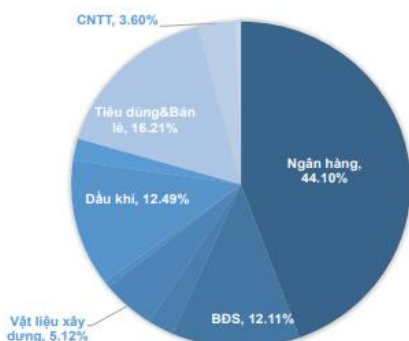
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	90.8	0.8%	0.8	22,065	4.4	7,311	12.4	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	48.9	0.9%	1.0	10,744	4.3	4,208	11.6	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	22.7	2.0%	1.1	6,611	19.9	3,972	5.7	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	34.4	2.2%	1.4	5,253	7.8	14,982	2.3		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	19.4	1.8%	1.4	4,387	12.8	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	30.1	3.8%	1.3	2,463	64.4	4,640	6.5	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	22.7	3.7%	1.1	3,948	4.2	4,603	4.9	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	32.6	0.3%	1.6	1,088	11.1	4,880	6.7	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	48.3	1.0%	1.8	693	6.2			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	47.9	0.5%	1.8	933	1.9	1,217	39.3		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.6	0.7%	1.0	6,965	27.6	1,916	14.4	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	62.9	-0.2%	0.9	11,908	9.2	1,896	33.2	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	29.6	3.1%	1.1	2,924	10.5	5,227	5.7	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	36.0	0.0%	0.4	1,122	3.7	1,576	22.8	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	39.2	-2.0%	1.6	655	5.1	2,557	15.3	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	73.9	-0.8%	1.5	1,220	10.9	14,120	5.2	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	39.0	-0.8%	1.2	664	4.4	6,793	5.7	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	33.0	0.0%	0.8	760	6.1	2,625	12.6	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	100.9	0.6%	0.7	8,396	1.5	2,292	44.0	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.5	0.5%	1.1	2,237	2.6	1,340	30.2	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	34.3	0.0%	1.1	713	6.9	993	34.5	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.9	0.2%	1.4	626	4.0	7,698	3.4	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.7	0.7%	1.1	1,395	6.9	3,895	3.5	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	74.9	2.6%	1.2	6,806	13.8	2,605	28.8	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	88.2	2.2%	1.2	5,487	9.1	3,456	25.5	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	53.8	1.5%	1.5	3,421	15.3	7,475	7.2	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	82.2	1.7%	0.8	1,172	2.2	2,965	27.7	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	78.1	2.0%	1.2	623	2.7	12,800	6.1	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	57.9	-0.2%	0.6	759	3.9	7,059	8.2	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	84.5	1.4%	0.8	4,666	2.7	5,901	14.3	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.98%	0.81%	1.26%	1.56%
1 tuần	0.40%	2.47%	1.51%	1.61%
1 tháng	14.53%	14.29%	11.89%	13.11%
3 tháng	21.79%	26.96%	17.84%	19.14%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.6	5.2%	1.2	6,812	18.1	3,636	9.0	1.3	27.1%	15.9%
ACB	Ngân hàng	23.8	-2.7%	1.0	4,011	29.0	3,723	6.4	1.5	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.4	1.2%	0.9	2,182	2.4	2,765	6.3	1.3	20.0%	22.3%
LPB	Ngân hàng	18.5	7.0%	1.5	1,387	16.2	2,135	8.6	1.3	4.1%	15.9%
VIB	Ngân hàng	21.4	1.9%	1.3	2,360	7.7	3,531	6.1	1.6	20.5%	28.5%
VND	Chứng khoán	20.6	-0.2%	2.0	1,088	28.1	467	44.0	1.7	24.0%	3.8%
TPB	Ngân hàng	19.3	1.8%	1.1	1,847	14.9	2,697	7.2	1.4	28.9%	19.8%
SSI	chứng khoán	29.7	1.7%	1.7	1,936	19.5	1,096	27.1	2.0		9.1%
CII	Xây dựng	21.9	1.4%	1.9	270	13.4	42	522.2	1.0	9.1%	0.2%
C4G	Xây dựng	15.8	0.6%	2.1	232	3.6	791	20.0	1.4	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	64.0	-0.9%	1.9	207	3.8	916	69.9	0.6	46.0%	0.8%
HHV	Xây dựng	16.5	0.6%	1.7	236	7.5	939	17.5	0.7	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	14.8	2.4%	2.1	122	11.5	492	30.0	1.2	3.2%	3.7%
BCM	KCN	76.7	-0.6%	0.9	3,452	0.9	388	197.9	4.7	2.7%	3.1%
HUT	KCN	24.6	-0.8%	1.6	373	3.9	152	162.4	2.2	1.9%	1.3%
PHR	KCN	52.9	0.8%	1.5	312	1.7	6,557	8.1	2.1	15.3%	26.8%
SZC	KCN	38.8	4.0%	1.9	202	2.3	1,393	27.9	2.9	3.0%	10.8%
HSG	Vật liệu	19.0	0.5%	2.1	509	9.8	(2,105)		1.1	20.1%	-11.7%
HT1	Vật liệu	17.3	2.4%	1.5	287	1.6	166	104.1	1.3	3.5%	1.2%
NKG	Vật liệu	19.3	0.0%	2.2	220	6.3	(2,875)		0.9	10.6%	-13.1%
PTB	Vật liệu	54.5	1.1%	1.1	159	1.9	5,293	10.3	1.4	17.0%	13.7%
KSB	Vật liệu	32.6	2.2%	1.7	108	4.6	1,291	25.2	1.3	3.3%	5.0%
NVL	BDS	20.2	2.0%	1.1	1,713	39.2	(100)		1.1	3.9%	-0.5%
DXG	BDS	19.2	-1.3%	2.3	508	23.3	(205)		1.3	19.0%	-1.3%
HDC	BDS	36.8	-2.4%	1.6	216	20.7	2,189	16.8	2.7	2.1%	17.2%
DIG	BDS	26.7	-0.9%	2.6	707	24.9	138	192.6	2.1	5.7%	1.1%
IJC	BDS	17.0	-0.3%	2.1	186	2.9	1,491	11.4	1.2	6.5%	10.2%
BSR	Dầu khí	20.5	0.5%	1.4	2,763	6.2	4,750	4.3	1.2	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.9	1.1%	1.2	336	4.3	3,018	7.9	1.1	14.0%	15.9%
PLC	Săm lốp	39.3	-0.5%	1.8	138	0.6	1,202	32.7	2.5	1.3%	7.6%
DRC	Tiện ích	23.5	-2.5%	1.2	121	0.8	1,971	11.9	1.6	10.9%	13.4%
REE	Tiện ích	64.9	1.4%	0.8	1,153	1.8	6,452	10.1	1.6	49.0%	14.9%
GEX	Tiện ích	23.4	-0.8%	2.0	866	11.9	372	62.9	1.6	12.0%	2.5%
NT2	Tiện ích	29.4	0.0%	0.7	367	0.8	2,473	11.9	1.8	15.4%	15.6%
HDG	Tiện ích	31.7	-0.2%	1.7	421	1.8	2,687	11.8	1.7	25.2%	15.7%
PC1	Tiện ích	27.8	0.0%	1.3	326	2.6	926	30.0	1.5	5.8%	5.1%
GEG	Tiện ích	15.4	0.0%	1.1	228	0.9	845	18.2	1.4	45.9%	5.2%
BCG	Dầu khí	11.6	-0.9%	2.2	269	10.0	(78)		0.9	2.1%	-0.6%
SAB	Bán lẻ	161.0	0.3%	0.2	4,489	2.0	6,863	23.5	4.3	62.3%	19.1%
QNS	Bán lẻ	50.7	1.6%	0.5	787	3.4	4,226	12.0	2.0	16.6%	17.5%
FRT	Bán lẻ	81.0	2.5%	1.5	480	5.7	(328)		6.4	33.1%	-2.5%
DGW	Bán lẻ	56.2	0.4%	2.0	408	5.0	3,066	18.3	3.6	23.8%	21.7%
DBC	Bán lẻ	26.2	0.6%	2.0	275	7.8	(48)		1.4	6.0%	-0.2%
PET	Bán lẻ	30.7	0.5%	2.3	132	1.3	910	33.7			3.7%
BAF	Bán lẻ	23.1	0.0%		144	2.2	1,206	19.2	1.7	0.1%	10.0%
ANV	Thủy sản	37.2	2.2%	1.6	215	3.6	2,092	17.8	1.7	3.9%	9.3%
VSC	Logistics	36.5	3.3%	0.5	192	5.3	1,479	24.7	1.6	3.2%	6.4%
HAH	Logistics	34.8	5.3%	1.2	160	4.8	5,358	6.5	1.5	4.9%	25.5%
CTR	Công nghệ	74.0	2.5%	1.4	368	1.2	4,223	17.5	5.1	9.8%	31.9%
TNG	Dệt may	21.0	-1.4%	1.7	104	2.4	2,384	8.8	1.3	24.4%	17.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click

Danh sách các báo cáo Cập nhật KQKD BSC đã phát hành gần đây

STT	MÃ CK	Ngày cập nhật	STT	MÃ CK	Ngày cập nhật	STT	MÃ CK	Ngày cập nhật
1	IJC	03/08/2023	7	DBC	04/08/2023	13	DPM	04/08/2023
2	DGC	03/08/2023	8	VCG	04/08/2023			
3	BSR	03/08/2023	9	TNG	04/08/2023			
4	PVT	03/08/2023	10	ELC	04/08/2023			
5	DCM	03/08/2023	11	NVL	04/08/2023			
6	VHC	02/08/2023	12	DXG	04/08/2023			

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

